

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày 21/9/2022

V/v: *Kiện đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tuyền, ông Hoàng Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 và ngày 21/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST-DS ngày 21/02/2021 về “Kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS, ngày 19/8/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh G, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Thôn Liên K, xã Hòa A, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh T, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày: Ngày 22/01/2017, bà Hoàng Thị N có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 22/01/2017 đến ngày 22/4/2017), hai bên có đánh máy hợp đồng cầm cố tài sản, bà N có ký nhận đầy đủ số tiền trên. Đến ngày 29/5/2017 bà N (tức Ng) có vay tiếp của bà số tiền 113.000.000 đồng, hạn đến ngày 30/8/2017 nếu không trả được thì sẽ tính lãi, lãi suất được tính theo thỏa thuận hai bên, bà N trực tiếp viết giấy vay tiền, ký nhận và đưa bà giữ. Sau đó bà N trả cho bà được 10.000.000 đồng không viết giấy tờ gì và đến ngày 09/5/2017 bà N trả tiếp cho bà được 20.000.000 đồng, tổng là 30.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay 50.000.000 đồng ngày 22/01/2017. Số tiền nợ gốc còn lại là 133.000.000 đồng,

bà N không trả nợ cho bà theo thỏa thuận, sau đó bà đã đòi bà N nhiều lần, nhưng bà N không trả tiền cho bà, nên bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà N trả cho bà số tiền gốc là 133.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hoàng Thị N trình bày: Bà xác định giấy vay tiền đề ngày 29/5/2015 (số tiền vay 113.000.000 đồng) bà xác nhận đúng là chữ ký chữ viết của bà và Hợp đồng cầm cố tài sản kiêm phiếu xuất tiền đề ngày 22/01/2017 (số tiền vay 50.000.000 đồng) bà xác nhận chữ viết, chữ ký dưới chữ người cầm đồ đúng là chữ viết, chữ ký của bà.

Nhưng bà không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà M, vì thực tế 02 khoản tiền này không như bà M trình bày, cụ thể:

Đối với khoản tiền vay ngày 22/01/2017, bà công nhận có vay của bà M 50.000.000 đồng, nhưng thực tế bà chỉ được cầm số tiền là 20.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng trừ vào khoản nợ 190.000.000 đồng ở giấy vay tiền ngày 23/05/2016.

Đối với số tiền tại giấy vay tiền đề ngày 29/5/2017, số tiền vay 113.000.000 đồng, số tiền này bà không được vay của bà M mà là tổng các loại tiền và tiền lãi của khoản vay 290.000.000 đồng vay ngày 23/5/2016. Lý do bà viết giấy vay tiền ngày 29/5/2017 là do bà M yêu cầu bà viết, lúc đó bà bảo bà M là viết khoản tiền này là tiền lãi, nhưng bà M không nhất trí, nên bà buộc phải viết như vậy.

Nay bà M yêu cầu bà trả 133.000.000 đồng tiền gốc, bà không nhất trí. Bà nhất trí trả khoản 50.000.000 đồng tiền gốc vay ngày 22/01/2017, trừ 30.000.000 đồng đã trả, còn 20.000.000 đồng bà nhất trí trả. Còn khoản vay ngày 29/5/2017 là 113.000.000 đồng, bà không nhất trí trả.

Tại phiên tòa bà M xác định các nội dung làm ăn và vay nợ giữa bà và bà N trước thời điểm năm 2017 đã thanh toán xong, không liên quan gì đến hai giấy tờ bà N vay của bà ngày 22/01/2017 và ngày 29/5/2017, bà khẳng định hiện tại bà N còn nợ bà tổng số tiền là 133.000.000 đồng như đã nêu ở trên, nhưng do giữa bà và bà N có quan hệ làm ăn với nhau đã nhiều năm, hiện bà N cũng đang gặp khó khăn, nên bà chỉ yêu cầu bà N trả cho bà tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bà N xác định giấy vay tiền đề ngày 29/5/2015 (số tiền vay 113.000.000 đồng) là do tự tay bà viết, ký và Hợp đồng cầm cố tài sản kiêm phiếu xuất tiền đề ngày 22/01/2017 (số tiền vay 50.000.000 đồng) chữ ký người nhận tiền đúng là của bà. Số tiền 113.000.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 29/5/2015 là tổng các khoản tiền và tiền lãi của các khoản vay trước năm 2017 cộng lại. Tại phiên tòa bà M yêu cầu bà trả tổng số tiền 70.000.000 đồng, bà nhất trí trả cho bà N. Ngoài ra bà không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở

phiên tòa đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 213, 235, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166; 468 và 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, bà Hoàng Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị M số tiền là 70.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị N (Ng), có địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh Tiến, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang trả số tiền 133.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi (do hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản), xác định quan hệ pháp luật là kiện đòi tài sản. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Bà Phạm Thị M xác định 22/01/2017 bà Hoàng Thị N có vay của bà M số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có đánh máy hợp đồng cầm cố tài sản, bà N có ký nhận đầy đủ số tiền trên. Đến ngày 29/5/2017 bà N có vay tiếp của bà M số tiền 113.000.000 đồng, bà N trực tiếp viết giấy vay tiền. Sau đó bà N trả cho bà M 30.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay ngày 22/01/2017, tổng số tiền còn nợ lại là 133.000.000 đồng bà N không trả cho bà M, tại phiên tòa bà M yêu cầu bà N trả cho bà M tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Bà N xác định chữ ký, chữ viết tại hai tài liệu trên là đúng của bà N, nay bà M yêu cầu bà N trả số tiền là 70.000.000 đồng, bà N nhất trí trả theo yêu cầu của bà M. Xét thấy sự thống nhất thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[3]. Về án phí: Bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 213, 235, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 468 và 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Phạm Thị M và bị đơn bà Hoàng Thị N tại phiên tòa.

Bà Hoàng Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị M tổng số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Bà Hoàng Thị N được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.325.000đ (Ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0003660 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuyền Hoàng Văn Tấn

Hoàng Mạnh Tuấn